

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG LÀO CAI (GLC)

(Giấy chứng nhận kinh doanh số 5300238161 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 18/09/2007, công ty đã thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8 ngày 24/5/2016)

Địa chỉ Công ty : Bản 3, Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai
Số điện thoại : 0214.3835565
Số fax : 0214. 3835565
Website : <http://vanglaocai.com.vn>

Lào Cai, tháng 3 năm 2018

NỘI DUNG

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG LÀO CAI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : Giấy chứng nhận kinh doanh số 5300238161 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 18/09/2007, công ty đã thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8 ngày 24/5/2016.
- Vốn điều lệ : 105.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 105.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : Bản 3, Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai
- Số điện thoại : 0214.3835565
- Số fax : 0214.3835565
- Website : <http://vanglaocai.com.vn>
- Mã chứng khoán : GLC

Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 18/09/2007, Công ty Cổ phần vàng Lào Cai (VLC) được thành lập tại Bản 3, Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Số vốn điều lệ ban đầu của VLC là 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng), trên cơ sở 05 (năm) cổ đông tham gia góp vốn ban đầu là: Tổng công ty khoáng sản - Vinacomin (nay là Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP) (33%); Công ty TNHH Nhà nước một thành viên khoáng sản 3 (nay là Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico) (27%); Công ty Khoáng sản Lào Cai (15%); Công ty TNHH Thái Nguyên (15%) và Công ty Đông Bắc (10%).

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300238161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 5 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 105.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm lẻ năm tỷ đồng).

Kể từ khi thành lập đến nay, chức năng nhiệm vụ chủ yếu của VLC là thực hiện Dự án đầu tư Khai thác và Tuyển quặng vàng gốc mỏ vàng Minh Lương, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Sản phẩm của dự án là tinh quặng vàng hàm lượng (quy đổi) 82 gam Au/tấn: Sản lượng thiết kế (max) 7.450 tấn/năm, tương đương với sản lượng khai thác khoảng 100.000 tấn quặng nguyên khai/năm, khai thác bằng phương pháp hầm lò; tuyển thu hồi tinh quặng vàng bằng phương pháp tuyển trọng lực kết hợp tuyển nổi; Sản lượng Tinh quặng vàng quy đổi ra vàng kim loại (sản lượng cao nhất được phép) là 500 kg vàng kim loại/năm.

- Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán số 90/2018/GCNCP-VSD ngày 24/10/2018 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.

Ngày 21/12/2018, Công ty Cổ phần vàng Lào Cai được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu theo Quyết định số 814/QĐ-SGDHN.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, tuyển quặng vàng gốc	

Địa bàn kinh doanh: xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị:

Sơ đồ 1: Cơ cấu quản lý của Công ty



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

* Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của

Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của Công ty.

*** Hội đồng quản trị**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

*** Ban kiểm soát**

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của VLC; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

*** Ban Quản lý điều hành (Ban Giám đốc): Gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty**

- Giám đốc: Điều hành chung mọi hoạt động của VLC; chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch, phương án tổ chức sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch, phương án đó sau khi đã được HĐQT phê chuẩn; trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: Kinh doanh, tài chính, kế hoạch, vật tư, tổ chức nhân sự.

- Các Phó Giám đốc: Phụ trách các lĩnh vực về điều hành mô, kỹ thuật, kế hoạch, sản xuất, an toàn vệ sinh lao động, an toàn môi trường, PCCC,... và thay mặt Giám đốc điều hành Công ty khi Giám đốc đi vắng.

- Kế toán trưởng: Phụ trách lĩnh vực nghiệp vụ Tài chính, kế toán, thống kê, tiền lương, BHXH và các chế độ chính sách liên quan đến người lao động.

- Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ:

+) Phòng Kế hoạch kỹ thuật: Lập kế hoạch kỹ thuật, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh,... trực tiếp quản lý điều hành hoạt động của Tổ KCS, Tổ nổ mìn.

+) Phòng Kế toán tổng hợp: Lập báo cáo tài chính quý, năm, kê khai, quyết toán các loại thuế, tổ chức thực hiện các nghiệp vụ tài chính, kế toán, thống kê, công tác tiền lương, bảo hiểm xã hội, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công.

+) Phòng Hành chính – Bảo vệ: Tham mưu cho Ban quản lý điều hành Công ty trong công tác tổ chức nhân sự, hành chính, văn phòng, văn thư, khánh tiết; trực tiếp

quản lý điều hành hoạt động của đội bảo vệ cơ động của Công ty.

- Các Phân xưởng, Tổ đội sản xuất:

+) Phân xưởng tuyển khoáng: Trực tiếp quản lý máy móc thiết bị, nhà xưởng tuyển quặng, tổ chức tuyển quặng nguyên khai sản xuất tinh quặng vàng, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công.

+) Tổ nổ mìn (trực thuộc Phòng Kế hoạch kỹ thuật): Trực tiếp làm công tác nổ mìn phục vụ khai thác quặng nguyên khai, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công.

+) Tổ KCS (trực thuộc Phòng Kế hoạch kỹ thuật): Trực tiếp lấy, gia công và phân tích xác định hàm lượng mẫu quặng nguyên khai, tinh quặng vàng, đuôi thải sau tuyển; tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công.

+) Đội bảo vệ cơ động: Trực tiếp tuần tra, bảo vệ đảm bảo an toàn tuyệt đối an ninh trật tự trong phạm vi toàn Công ty, các khu vực sản xuất, toàn bộ diện tích mỏ và khu vực vùng đệm được giao quản lý, tham mưu lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực được phân công..

3.3 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

- Công ty mẹ đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VLC:

+ Tên công ty: Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP (VIMICO)

+ Địa chỉ: Số 193, đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

+ Điện thoại: 024.62876666 Fax: 024.62883333

+ Giấy ĐKDN số 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 06/10/2015.

+ Vốn điều lệ đăng ký: 2.000.000.000.000 đồng

+ Vốn điều lệ thực góp: 2.000.000.000.000 đồng

+ Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản.

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần trực tiếp của Vimico tại VLC: 46,14% vốn điều lệ của VLC, tương ứng với 4.845.000 cổ phần.

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico: 11,07% (Vimico sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico)

+ Tỷ lệ lợi ích của Vimico: 57,22%

+ Tỷ lệ biểu quyết của Vimico: 67,86%

- Công ty con và công ty mà VLC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ

phần chi phối: Không có

4. Định hướng phát triển

a) Vị thế của công ty trong ngành:

Công ty cổ phần vàng Lào Cai là một trong những Công ty chuyên sản xuất tinh quặng vàng của Việt Nam với trữ lượng địa chất: 92.670 tấn quặng vàng; trữ lượng khai thác: 89.702 tấn quặng vàng; công suất khai thác được cấp phép: Năm 2016: 22.000 tấn quặng vàng, năm 2017 - 2018: 28.000 tấn quặng vàng/năm, năm 2019: 11.702 tấn quặng vàng, thời hạn Giấy phép khai thác đến 26 tháng 4 năm 2019.

VLC nằm trên địa bàn được đánh giá có tiềm năng rất lớn về tài nguyên vàng gốc khu vực Tây Bắc Việt Nam. Theo định hướng phát triển, VLC nhiều khả năng sẽ được mở rộng quyền khai thác mỏ theo cả hai hướng sau:

- Được khai thác khu vực mỏ hiện có với chiều sâu khai thác thêm 100m so với giấy phép hiện hành.

- Được mở rộng phạm vi khai thác thêm hơn 120 ha (phạm vi mở rộng thuộc khu vực vùng đệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản và chống “vàng tặc” Công ty đang quản lý).

Với các chính sách ưu đãi của địa phương cũng như tiềm năng phát triển lâu dài của Công ty, Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai có sở đề ngày càng mở rộng và tạo được thương hiệu uy tín trên thị trường so với các doanh nghiệp cùng ngành.

b) Triển vọng phát triển của ngành:

- Kết quả điều tra địa chất cho thấy Việt Nam đã phát hiện ra nhiều mỏ quặng chì kẽm, vàng có giá trị và phân bố rải rác ở nhiều nơi. Các loại như quặng chì kẽm, quặng đồng, quặng thiếc, quặng nhôm tập trung nhiều ở Tây Ninh, Lâm Đồng, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai,... riêng quặng kim loại quý như vàng đã được điều tra phát hiện ở nhiều vùng trên cả nước và một vài mỏ đã được đưa vào khai thác. Như vậy, trữ lượng và các loại khoáng sản kim loại của Việt Nam là khá phong phú. Những năm gần đây, sản lượng khai thác và xuất khẩu một số loại khoáng sản tăng mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của một số địa phương và cả nước. Khai thác khoáng sản nói chung và khoáng sản kim loại quý hiếm nói riêng luôn có tiềm năng đem lại cho doanh nghiệp những nguồn lợi đáng kể. Do vậy, hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp có năng lực tài chính và sản xuất đang tập trung vào việc xin cấp phép thăm dò và khai thác khoáng sản. Khoáng sản kim loại nói chung và khoáng sản vàng nói riêng luôn được đánh giá là nguồn tài nguyên quý hiếm và có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế. Các chuyên gia kinh tế đều nhận định rằng ngành khai thác khoáng sản sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian sắp tới.

5. Các rủi ro

5.1 Rủi ro cơ bản

Tình hình địa chất có sự biến động khá mạnh, hầu hết các thân quặng 10A, 10B, 9B, 8B, 8A1, 8A2 đã và đang khai thác đều mỏng, có sự biến động teo thất, đứt quãng,

xê dịch, nhảy cách, có sự sai lệch khá lớn so với tài liệu địa chất. Do vậy, thực tế quá trình sản xuất luôn phải điều chỉnh tương ứng theo thực tế địa chất và phù hợp với điều kiện sản xuất. Công tác kế hoạch kỹ thuật, biện pháp thi công được xây dựng từ đầu năm trên cơ sở tài liệu địa chất gần như chỉ mang tính định hướng, tham khảo và phải điều chỉnh liên tục trong quá trình điều hành sản xuất.

Các thân quặng tại mỏ vàng Minh Lương đều mỏng, trữ lượng không lớn và nằm phân tán ở bốn khu vực đôi cách xa nhau từ $1 \div 5$ km. Do vậy, để đảm bảo quản lý tốt sản phẩm quặng nguyên khai sau khai thác và tiết kiệm vốn đầu tư khai thông mỏ via nên Công ty phải tổ chức khai thác theo hình thức cuốn chiếu từng khu vực không triển khai khai thác ở ạt đồng loạt toàn bộ các thân quặng trong mỏ; Mặt khác, tại các thân quặng đang khai thác, phần tài nguyên nằm trong giới hạn chiều sâu được cấp phép (cos +505 trở lên) đã gần hết (để khai xuống sâu bên dưới mức cấp phép thì phải thăm dò nâng cấp trữ lượng) trong khi đó quá trình thực hiện khai thông mỏ via khai thác thân quặng 7 (bãi 3) là thân quặng được nhận định là có hàm lượng, trữ lượng vàng tốt nhất mỏ bị chậm tiến độ do khó khăn trong giải phóng mặt bằng (đến quý III/2017 mới hoàn thành công tác BTGPMB và triển khai đào lò chuẩn bị sản xuất) và điều kiện thi công khó khăn phức tạp (nhiều nước gây sập sạt lò) nên dự kiến đến quý IV/năm 2018 mới có thể bắt đầu khai thác được quặng nguyên khai tại thân quặng này. Từ những nguyên nhân đó dẫn tới sản lượng khai thác trong thời gian vừa qua chưa thể đạt được công suất thiết kế (hiện mới chỉ đạt trên 40% công suất thiết kế giai đoạn 1).

Vòng đời dự án ngắn, thời gian đầu tư kéo dài, sản lượng khai thác mới chỉ đạt được khoảng trên 40% công suất thiết kế giai đoạn 1, dẫn đến chí phí khấu hao, chi phí trước hoạt động, chi phí lãi vay,... những năm đầu đưa dự án vào hoạt động chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nên kết quả sản xuất kinh doanh lợi nhuận đạt được chưa cao dẫn tới khó khăn về tài chính, các khoản trả nợ đến hạn, các nộp thuế, bị chậm dẫn đến phát sinh thêm lãi chậm nộp, phạt chậm nộp làm tăng thêm chi phí. Tính đến hết 30/09/2018 tình hình tài chính tuy đã được cải thiện nhiều song vẫn còn rất khó khăn do khoản lỗ lũy kế từ năm 2014, 2015 để lại và vẫn còn nợ các nhà thầu thi công xây dựng.

Chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan để lĩnh vực khai thác khoáng sản (thuế, phí,...) không ổn định, có xu hướng ngày càng tăng cao. Do vậy, tổng các loại thuế, phí đối với khai thác quặng vàng được duy trì ở mức rất cao, chiếm $30 \div 35\%$ doanh thu tiêu thụ sản phẩm khoáng sản của Công ty, làm tăng mạnh giá thành tiêu thụ sản phẩm tinh quặng vàng và làm giảm lợi nhuận.

Do các thân quặng tại mỏ Minh Lương nằm phân tán, địa hình cao, việc thi công các tuyến đường để vận chuyển quặng gặp khó khăn, chi phí vận chuyển lớn. Đa số các thân quặng đều có chiều dày mỏng nên công tác tổ chức khai thác gặp nhiều khó khăn, hệ số làm nghèo lớn, điều kiện địa chất tại một số thân quặng phức tạp, bên cạnh

đó trong quá trình khai thác tại một số vị trí thân quặng lại gặp phải các lò khai thác trái phép trước đây (chủ yếu trên phần gần mặt địa hình) nên công tác quản lý kỹ thuật, quản lý chất lượng quặng nguyên khai khai thác, quản lý an toàn cũng gặp phải nhiều khó khăn.

Hiện nay, công tác bảo vệ tài nguyên, bảo vệ quặng sau khai thác của Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn do lực lượng bảo vệ mỏng mặc dù đã được Tổng công ty tăng cường lực lượng hỗ trợ thêm nhưng do địa bàn mỏ trải rộng, bên cạnh đó tình hình an ninh trật tự diễn biến phức tạp, hiện tượng đào lò khai thác quặng trái phép trong khu vực vùng đệm diễn ra liên tục với số lượng, quy mô ngày càng tăng, các đối tượng vàng tặc ngày càng lý lợm, hung hãn, manh động, chống đối quyết liệt lực lượng bảo vệ Công ty trong công tác bảo vệ mỏ và khi Công ty tiến hành truy quét, truy đuổi (đặc biệt là khu vực vùng đệm Pú Mẹo).

Do đặc điểm địa chất đất đá mềm yếu, đặc điểm tồn tại của các khối trữ lượng khoáng sản các thân quặng mỏng, teo thất, đứt quãng, đường phương biến động liên tục xê dịch,... nên để đảm được hiệu quả kinh tế bắt buộc phải điều chỉnh tiết diện lò vận tải, lò dọc vỉa, buồng khẩu quặng cho phù hợp. Do đó làm tăng cao nguy cơ mất an toàn như: Ngạt khí, rơi ngã khi đi lại, nổ mìn,... Do vậy, Công ty cũng phải tăng chi phí cho công tác đảm bảo an toàn sản xuất.

Mặc dù đã được sắp xếp cơ cấu tổ chức lại các phòng ban phân xưởng (*hiện nay Công ty có 3 phòng, 1 đội bảo vệ, 1 tổ nổ mìn, 1 tổ KCS và 1 phân xưởng Tuyển Khoáng*) tuy nhiên do biến động địa chất cũng như ảnh hưởng bởi thời tiết nên sản lượng khai thác không được duy trì ổn định, có những thời điểm thiếu quặng nguyên khai sản xuất, có thời điểm quặng nguyên khai dồn về nhiều, công tác tổ chức sản xuất tuyển quặng phải bổ sung tăng cường lao động từ Chi nhánh Luyện đồng và Chi nhánh Mỏ Tuyển đồng Sin Quyền hỗ trợ dẫn đến khó chủ động được trong việc điều hành sản xuất.

Công ty đóng ở vùng xa, đường xá đi lại khó khăn, giá cả các loại nhu yếu phẩm phục vụ đời sống đắt đỏ, tình hình an ninh trật tự phức tạp, tệ nạn xã hội nhiều, trình độ dân trí chưa cao, nhận thức của người dân còn hạn chế, thích làm việc tự do, gây khó khăn trong công tác tuyển dụng, thu hút lao động đặc biệt là lao động có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, tay nghề trong công tác khai mỏ hầm lò. Do vậy, toàn bộ khâu khai thác quặng nguyên khai phải thuê ngoài, dẫn đến sự chủ động trong sản xuất bị hạn chế và gây khó khăn, tăng chi phí cho công tác bảo vệ sản phẩm sau khai thác.

▪ **Rủi ro về thời tiết:**

Đây là một rủi ro khá đặc thù của ngành khoáng sản, là đơn vị khai thác hầm lò, do đó mà những thay đổi về thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác mỏ, độ an toàn và sản lượng khai thác của doanh nghiệp.

▪ **Rủi ro về môi trường:**

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng lớn đến môi trường, gây ra tiềm ẩn rủi ro cho Doanh nghiệp sẽ bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối của người dân.

5.2 Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hoả hoạn, thiên tai; rủi ro trong quá trình đấu thầu, đàm phán và ký kết hợp đồng,... những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, Công ty có thể gặp phải các rủi ro trong quá trình thi công như: Tai nạn lao động hay các sự cố trong quá trình thi công. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty luôn tham gia đóng phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên và các tài sản, vật tư, thiết bị có giá trị lớn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng số 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 - 2018

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm so với năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	98.926.009.201	111.000.085.987	112%
Doanh thu thuần	98.926.009.201	111.000.085.987	112%
Lợi nhuận gộp	29.300.814.123	29.547.856.119	101%
Lợi nhuận thuần	6.074.085.226	18.341.839.183	302%
Lợi nhuận khác	(821.625.918)	(1.319.976.094)	161%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.252.459.308	17.021.863.089	324%
Lợi nhuận sau thuế	5.252.459.308	17.021.863.089	324%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 của Công ty)

- Cơ cấu doanh thu:

Bảng số 3: Cơ cấu doanh thu năm 2017 - 2018

Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	%/TDT	Năm 2018 (đồng)	%/TDT	% tăng giảm so với năm 2018
Doanh thu thuần từ HĐSXKD	98.926.009.201	99,7%	111.000.085.987	99,7%	112%

- Doanh thu từ bán tinh quặng vàng	95.531.115.349	96,6%	108.476.663.615	97,7%	114%
- Doanh thu dịch vụ	3.394.893.852	3,4%	2.523.422.372	2,27%	74%
Doanh thu hoạt động tài chính	7.960.563	0,01%	12.148.469	0,01%	153%
Thu nhập khác	299.160.456	0,30%	290.011.000	0,26%	97%
Tổng doanh thu	99.233.130.220	100%	111.302.245.456	100%	112%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 của Công ty)

Trong năm 2018, doanh thu thuần của Công ty đạt 111 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2017 và lợi nhuận sau thuế đạt 17, 021 tỷ đồng. Doanh thu từ bán sản phẩm tinh quặng tăng nguyên nhân là do Công ty trong năm 2018 bán thêm được 25 tấn sản phẩm tinh quặng vàng tồn kho.

Cơ cấu chi phí:

Bảng số 4: Cơ cấu chi phí năm 2017 – 2018

Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	%/TCP	Năm 2018 (đồng)	%/TCP
Giá vốn hàng bán	69.625.195.078	74,08%	81.452.229.868	86,39%
- Tinh Quặng vàng	66.230.301.226	70,47%	78.864.897.001	83,65%
- Dịch vụ	3.394.893.852	3,61%	2587332867	2,74%
Chi phí tài chính	2.715.374.416	2,89%	613.205.131	0,65%
Chi phí bán hàng		0,00%		0,00%
Chi phí QLDN	20.519.315.044	21,83%	10.604.960.274	11,25%
Chi phí khác	1.120.786.374	1,19%	1.609.987.094	1,71%
Tổng chi phí	93.980.670.912	100%	94.280.382.367	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần vàng Lào Cai)

1.2 Kết quả thực hiện so với kế hoạch năm 2018:

Bảng số 5: Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ %
I	Chỉ tiêu sản xuất				
1	Chỉ tiêu sản xuất				
	Khai thác quặng	Tấn	20.000	16.452	82%

	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	7,23	7,64	106%
	- Quy ra kim loại vàng	kg	144,60	125,7	87%
2	Quặng vào tuyển				
	QNK vào tuyển	Tấn	20.000	16.820	84%
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	7,23	7,85	109%
	- Quy ra kim loại vàng		145	132	91%
3	Sản phẩm tinh quặng				
	Tinh quặng vàng	tấn	196,00	190,71	97%
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	647,96	616,45	95%
	- Quy ra Kim loại	kg	127,00	117,56	93%
4	Sản phẩm tiêu thụ				
	Tinh quặng vàng	tấn	196	207,51	106%
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	673	664,54	99%
	- Quy ra Kim loại	kg	132	137,9	104%
II	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	Trđ	99.873	111.302	111%
2	Lợi nhuận	Trđ	5.610	17.021	304%
3	Nộp ngân sách	Trđ	30.650	36.614	119%
4	Lao động BQ sử dụng	người	63	60	95%
5	Quỹ lương	Trđ	6.300	6.300	100%
6	Tiền lương bình quân	tr/ng/t	8,3	8,76	106%

(Nguồn: Công ty cổ phần vàng Lào Cai)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

Bảng số 6: Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đặng Văn Lâm	Giám đốc
2	Ông Mạc Văn Tiến	Phó Giám đốc
3	Ông Nguyễn Minh Thanh	Kế toán trưởng

- Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành:

Họ và tên : ĐẶNG VĂN LÂM

- Số CMND : 025069000069; ngày cấp: 21/10/2015; nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 18/12/1969
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 3/B12; Tổ DP số 8, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại : Số 3/B12; Tổ DP số 8, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Hóa học; Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay : CTCP Không có.
tại Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó trưởng phòng QTK – Tổng Công ty khoáng sản TKV – CTCP.
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Quá trình Công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1993 ÷ 08/1999	Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai	Kỹ thuật viên KCS, Tổ Kỹ thuật Công nghệ, Phân xưởng Tuyển khoáng
09/1999 ÷ 03/2006	Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai	Cán bộ kỹ thuật, Phòng Kế hoạch kỹ thuật
2000 ÷ 03/2006	Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai	Kiểm nhiệm Phó chủ tịch Công đoàn Xí nghiệp
03/2006 ÷ 12/2006	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	Cán bộ kỹ thuật, Phòng Kế hoạch vật tư

01/2007 ÷ 06/2007	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	Phó Phòng Phụ trách Phòng Tổ chức hành chính
07/2007 ÷ 02/2010	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
2006 ÷ 2008	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính
2008 ÷ 02/2010	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính
03/2010 ÷ 01/2016	Công ty cổ phần vàng Lào Cai	Phó Giám đốc Công ty
2/2016 ÷ 2/2019	Công ty cổ phần vàng Lào Cai	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty kiêm nhiệm
3/2019 đến nay	Tổng Công ty khoáng sản TKV – CTCP	Phó trưởng phòng QTK

Họ và tên : **MẠC VĂN TIẾN**

- Số CMND : 100883537, ngày cấp: 14/4/2005, nơi cấp: CA Quảng Ninh
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/02/1987
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
- Địa chỉ hiện tại : xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác mỏ
- Chức vụ công tác hiện nay : Không có tại Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ : Không có. chức khác
- Số lượng cổ phần cá nhân sở : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ hữu
- Số lượng cổ phiếu đại diện : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

sở hữu cho Tổng Công ty
Khoáng sản TKV - CTCP

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2011 ÷ 05/2013	Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico	Cán bộ kỹ thuật Phòng Mỏ Địa chất
06/2013 ÷ 02/2016	Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico	Phó phòng Kỹ thuật Mỏ Địa chất
03/2016 ÷ 2/2019	Công ty cổ phần vàng Lào Cai	Phó Giám đốc Công ty

- Họ và tên** : NGUYỄN MINH THANH
- Số CMND : 00250820000709 ngày cấp: 16/8/2018 nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 20/01/1982
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Địa chỉ thường trú : Phòng 901, Khu A, Chung cư 9 tầng, số 129, phố Thiên Hiền, tổ 10, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liên, thành phố Hà Nội
 - Địa chỉ hiện tại : Phòng 901, Khu A, Chung cư 9 tầng, số 129, phố Thiên Hiền, tổ 10, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liên, thành phố Hà Nội
 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế
 - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Không có
 - Chức vụ đang nắm giữ : Phó trưởng phòng Kế toán – Tổng Công ty

tại tổ chức khác

khoáng sản TKV – CTCP.

- Số lượng cổ phần cá : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ nhân sở hữu
- Số lượng cổ phiếu đại : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ diện sở hữu cho Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP
- Quyền lợi mâu thuẫn với : Không lợi ích Công ty
- Các khoản nợ đối với : Không Công ty
- Lợi ích liên quan đối với : Không Công ty
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2007 ÷ 07/2009	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán	Nhân viên Văn phòng Đại diện
08/2009 ÷ 12/2009	Chi nhánh Xí nghiệp thiếc Sơn Dương	Nhân viên kế toán
01/2010 ÷ 12/2010	Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Yên Bái	Nhân viên kế toán
01/2011 ÷ 03/2011	Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Yên Bái	Trưởng phòng Kế toán
04/2011 ÷ 03/2012	Công ty cổ phần Kim loại màu Tuyên Quang	Phó Phòng Kế toán
06/2012 ÷ 04/2013	Chi nhánh Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin Trung tâm điều trị bệnh nghề và phục hồi chức năng ngành than khoáng sản – Vimico	Kế toán Tổng hợp
05/2013 ÷ 06/2014	Chi nhánh Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin Trung tâm điều trị bệnh nghề và phục hồi chức năng ngành than khoáng sản –	Phó Phòng Kế toán Tổng hợp

	Vimico	
07/2014 ÷ 12/2014	Chi nhánh Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin Trung tâm điều trị bệnh nghề và phục hồi chức năng ngành than khoáng sản – Vimico	Kế toán trưởng
01/2015 ÷ 2/2019	Công ty cổ phần vàng Lào Cai	Kế toán trưởng Công ty
3/2019 đến nay	Tổng Công ty khoáng sản TKV – CTCP.	Phó trưởng phòng Kế toán

2.2 Những thay đổi ban điều hành:

Không có.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Bảng số 7: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ chuyên môn lao động	42	100
1	Trên đại học	0	0
2	Trình độ đại học và tương đương	17	40
3	Trình độ cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	4	11
4	Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp nghề, CNKT	21	49
II	Phân loại theo Hợp đồng lao động	43	100
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	3	7
2	Hợp đồng Lao động không xác định thời hạn	37	86
3	Hợp đồng Lao động thời hạn 1÷3 năm	2	7
4	Hợp đồng Lao động thời vụ	0	0
III	Phân loại theo giới tính	42	100
1	Lao động là Nam giới	39	93
2	Lao động là Nữ giới	3	7

(Nguồn: Công ty cổ phần vàng Lào Cai)

2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:

Để đảm bảo giữ chân được người lao động, hiện tại công ty duy trì chế độ trả lương khá cao so với các đơn vị khác địa bàn (thu nhập tiền lương bình quân 8,5 triệu đồng/người/tháng). Các chế độ về bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ, đóng BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện đầy đủ đúng quy định của pháp luật.

Công ty thực hiện nghiêm túc và đầy đủ những quy định về an toàn và bảo hộ lao động. Với mục tiêu tránh không để xảy ra tai nạn lao động, Công ty nghiêm túc kiểm tra việc chấp hành, tuân thủ các quy tắc an toàn lao động. Hàng năm, người lao động trong Công ty được hướng dẫn kỹ về an toàn lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, và được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Công ty có quy chế đào tạo và nâng bậc lương cụ thể cho CBCNV. Với chủ trương đào tạo và nâng bậc là công tác thường xuyên của đơn vị nhằm bồi dưỡng, đổi mới đội ngũ cán bộ công nhân theo hướng phát triển của đơn vị, nâng cao năng lực, nâng cao đời sống người lao động.

Công tác ký kết hợp đồng lao động và giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động, thủ tục nâng bậc lương, chuyển xếp lương đối với người lao động đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Lao động.

Bên cạnh đó, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng, kỹ thuật hợp lý, khuyến khích các cá nhân đưa ra sáng kiến tiết kiệm chi phí, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật... Đồng thời Công ty cũng nghiêm khắc kỷ luật những cá nhân vi phạm các quy định của Công ty, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh.

* Mức lương bình quân:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Quỹ lương	6.299.000.000	6.310.000.000
Lao động sử dụng bình quân (người)	63	60
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.300.000	8.760.000

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

TT	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
----	-----------	------------	------------	------------

TT	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
1	Dự án Thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng mỏ vàng gốc Minh Lương - Văn Bàn - Lào Cai	-	85.454.545	85.454.545
Tổng		-	85.454.545	85.454.545

b) Công ty liên kết:

Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Bảng số 8: Tình hình tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2017 (VNĐ)	Năm 2018 (VNĐ)	% so với năm 2017
Tổng giá trị tài sản	112.066.332.759	97.333.973.634	87%
Doanh thu thuần	98.926.009.201	111.000.085.987	112%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.074.085.226	18.341.839.183	302%
Lợi nhuận khác	(821.625.918)	(1.319.976.094)	161%
Lợi nhuận trước thuế	5.252.459.308	17.021.863.089	324%
Lợi nhuận sau thuế	5.252.459.308	17.021.863.089	324%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 9: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	0,28	0,70
Hệ số thanh toán nhanh [= (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,02	0,59

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Nợ/Tổng tài sản (D/A)	%	55,20	31
Nợ/Vốn chủ sở hữu (D/E)	%	123,21	45
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
Vòng quay hàng tồn kho (= Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bq)	Lần	4,52	23,27
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bq	Lần	0,80	1,14
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	5,31	15
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq (ROE)	%	11,03	25
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq (ROA)	%	4,24	17
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	6,14	15

(Nguồn: BCTC năm 2017, năm 2018 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 10.500.000 cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.500.000 cổ phần.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 10: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2018

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	106	10.500.000	105.000.000.000	100
1.1	Tổ chức	5	8.915.000	89.150.000.000	84,9
1.2	Cá nhân	101	1.585.000	15.850.000.000	15,1
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
2.1	Tổ chức	0	0	0	0

2.2	Cá nhân	0	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng	106	10.500.000	105.000.000.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần vàng Lào Cai)

Bảng số 11: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2018

TT	Tên Cổ đông	Số CMT/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ % Vốn điều lệ
1	Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP (VIMICO)	0100103087	Số 193, đường Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	4.845.000	46,14 %
2	Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico	0500204315	Tổ 30, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	2.280.000	21,71%
3	Công ty TNHH MTV Khoáng sản - BITECO	5300241929	Số 262, đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	675.000	6,43%
4	Công ty cổ phần Khoáng sản Đông Dương	0102655252	Số 8/82 phố Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	665.000	6,33%
5	Uông Huy Giang	111461798	Xóm Quang Trung, Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	908.350	8,65%
Tổng				9.373.350	89,26%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần vàng Lào Cai)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm

Bảng số 12: Lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng trong năm 2018

STT	Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng năm 2017	Số lượng sử dụng năm 2018
1	Bi nghiền D80	kg	11.073	9.778
2	Bi nghiền D100	kg	11.009	8.530
3	Butyl xantat Natri	kg	1.200	1.020
4	Soda công nghiệp	kg	19.675	10.650
5	Dầu thông	kg	2.380	2.000
6	Natri sunfua	kg	1.824	888
7	Thuốc nổ AD1 M32	kg	23.398,4	15.670,2
8	Kíp điện K8	Cái	103.169	62.907

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng chủ yếu là dầu diesel và điện năng. Trong đó tiêu thụ dầu diesel là: 16.165 lít và điện năng là: 1.007.574 KWh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Không có.

6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước: chủ yếu là nước mặt.

Khối lượng nước sử dụng năm 2018: 52.585 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Khối lượng nước tái sử dụng: 47.326 m³, chiếm 90% lượng nước sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động sử dụng bình quân: 60 người.

Mức lương trung bình đối với người lao động: 8.760.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

Về an toàn lao động: Phương tiện và công cụ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với những công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng, phù hợp, đảm bảo an toàn.

Trong năm 2018, Công ty đã tiến hành các đợt kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động đúng theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Bảng số 13: Số giờ đào tạo trung bình năm 2018

STT	Nhóm lao động	Số giờ đào tạo trung bình năm 2017	Số giờ đào tạo trung bình năm 2018
1	Lãnh đạo, quản lý	32	35
2	Cán bộ	48	52
3	Công nhân	22	24
4	Phục vụ, khác	16	16

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Công ty đã tổ chức mở lớp đào tạo chuyên môn cho CBCNV như: Tập huấn an toàn trong lao động sản xuất... nhằm nâng cao chuyên môn ngành nghề, tăng năng suất lao động, phát triển sự nghiệp cho người lao động. Ngoài ra, trong năm Công ty còn cử nhiều lượt CBCNV tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn do Tổng Công ty Khoáng sản – TKV và Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2018, Công ty tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động phát triển cộng đồng do địa phương phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Khó khăn

Khó khăn về tài nguyên

Tình hình điều kiện địa chất, trữ lượng địa chất các thân quặng đã khai thông mở vỉa và triển khai khai thác cho thấy có sự biến động rất lớn so với báo cáo địa chất, bao gồm cả sự biến động về khối trữ lượng (chiều dài, chiều rộng, chiều cao khối trữ lượng) và cả về hàm lượng kim loại. Hầu hết các thân quặng đều mỏng, teo thất, đứt quãng, biến động liên tục, chiều dày chỉ đạt $0,2 \div 0,4$ m; toàn bộ khối lượng quặng nguyên khai thác năm 2018 chủ yếu được khai thác tại các khối trữ lượng 10B - 122, 8A2 - 122, 8B - 122; mặc dù, so với các khối trữ lượng đã được khai thông mở vỉa khai thác trong giai đoạn 2014 ÷ 2015 có sự ổn định hơn nhưng so với báo cáo địa chất thì vẫn có sự biến động sai lệch khá lớn; sau 02 năm (bắt đầu từ 2016) khai thác tại các khối trữ lượng này đến cuối năm 2018, đã xuống khá sâu, khối trữ lượng cấp 122 được cấp phép đã gần cạn kiệt; mặt khác, hàm lượng kim loại trong từng khối trữ lượng cũng có sự biến động chênh lệch khá lớn và phân bố không đồng đều, tại điểm này có hàm lượng khá cao nhưng chỉ vài mét trước hoặc sau đó hàm lượng kim loại lại tụt xuống rất thấp. Các đặc điểm nêu trên đã gây khó rất lớn cho việc duy trì ổn định và gia tăng sản lượng cũng như chất lượng quặng nguyên khai.

Quá trình triển khai khai thông mở vỉa để khai thác thân quặng 7 (bãi 3) bị chậm trễ do GPMB; khi hoàn thành công tác GPMB bước vào thi công lại gặp khó khăn lớn do hầu hết các khối quặng nằm trên cao (cos + 520 trở lên) đã bị vàng tặc khai thác hết trước khi thăm dò (trước 2006) nên phải triển khai đào xuống phần sâu nhưng khi đào lò thì gặp địa chất yếu, điều kiện thi công khó khăn phức tạp dẫn tới sập, sạt liên tục (giữa năm đã được 25m giếng và gần 60 m lò bằng nhưng đã bị sập toàn bộ phải dịch chuyển ra vị trí khác đào lại lò mới); do vậy, làm chậm tiến độ khai thông mở vỉa nên đến cuối 2018 vẫn chưa đưa được thân quặng này vào khai thác; khối lượng quặng nguyên khai thu hồi từ khu vực này là khối lượng quặng nguyên khai tận thu lại ở các lò dân cũ để lại.

Qua thực tế triển khai khai thác quặng nguyên khai từ 2014 đến nay cho thấy sai số của báo trữ lượng là rất lớn (độ tin cậy rất thấp), địa chất biến động rất mạnh; Do vậy, công tác lập kế hoạch kỹ thuật, biện pháp thi công được xây dựng dựa trên tài liệu địa chất gần như chỉ mang tính định hướng và không thể áp dụng được vào thực tế sản xuất; trong quá trình sản xuất luôn phải điều chỉnh tương ứng theo thực tế địa chất và phù hợp với điều kiện sản xuất cũng gây khó khăn rất lớn cho quản trị điều hành.

Khó khăn về tài chính

Mặc dù doanh thu, lợi nhuận năm 2018 đạt cao hơn so với kế hoạch được giao nhưng do phải trả các khoản nợ thuế và ứng tiền hàng của năm trước nên tình hình tài chính của Công ty tuy đã được cải thiện nhiều song vẫn còn rất khó khăn.

Đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn còn nợ thuế tài nguyên, phí BVMT, thuế GTGT dẫn đến phát sinh lãi chậm nộp làm tăng thêm chi phí và giảm hiệu quả SXKD.

Vòng đời dự án ngắn, thời gian đầu tư kéo dài dẫn đến chi phí khấu hao, chi phí trước hoạt động, chi phí lãi vay,... chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nên dẫn đến kết quả lợi nhuận đạt được chưa cao.

Khó khăn trong công tác tổ chức khai thác, quản lý kỹ thuật mỏ

Do các thân quặng tại mỏ Minh Lương nằm phân tán, địa hình cao, việc thi công các tuyến đường để vận chuyển quặng gặp khó khăn, chi phí lớn. Đa số các thân quặng đều có chiều dày mỏng lại bị biến động mạnh nên công tác tổ chức khai thác gặp nhiều khó khăn, hệ số làm nghèo lớn; điều kiện địa chất tại một số thân quặng phức tạp, bên cạnh đó trong quá trình khai thác tại một số vị trí thân quặng lại gặp phải các lò khai thác trái phép trước đây nên công tác quản lý kỹ thuật, quản lý chất lượng quặng nguyên khai thác, quản lý an toàn lao động cũng gặp phải nhiều khó khăn.

Khó khăn trong công tác bảo vệ tài nguyên

Hiện nay công tác bảo vệ tài nguyên, bảo vệ sản phẩm của Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn do lực lượng bảo vệ mỏng mặc dù đã được Tổng công ty tăng cường hỗ trợ, tăng cường thêm nhưng do địa bàn trải rộng, bên cạnh đó tình hình an ninh trật tự diễn biến phức tạp, hiện tượng đào lò khai thác quặng trái phép diễn ra liên tục với số lượng, quy mô ngày càng tăng, các đối tượng vàng tặc ngày càng lý lợm, hung hãn, manh động, chống đối quyết liệt lực lượng bảo vệ Công ty trong công tác bảo vệ mỏ và khi Công ty tiến hành truy quét, truy đuổi (đặc biệt là khu vực Pú Mẹo).

Khó khăn trong công tác ATVSLĐ khâu sản xuất mỏ

Do đặc điểm địa chất đất đá mềm yếu, đặc điểm tồn tại của các khối trữ lượng khoáng sản các thân quặng mỏng, teo thắt, đứt quãng, đường phương biến động liên tục,... nên để đảm bảo hiệu quả kinh tế bắt buộc phải điều chỉnh tiết diện lò vận tải, lò dọc vĩa, buồng khâu quặng cho phù hợp. Do đó không đảm bảo các tiêu chuẩn quy định và làm tăng cao nguy cơ mất an toàn như: Ngạt khí, rơi ngã khi đi lại, nổ mìn,...

Khó khăn về lao động và tổ chức quản lý sản xuất:

Mặc dù đã được sắp xếp cơ cấu tổ chức các phòng ban phân xưởng (hiện nay Công ty có 3 phòng, 1 đội bảo vệ, 1 tổ nổ mìn và 1 phân xưởng Tuyển Khoáng) tuy nhiên do biến động địa chất và hoạt động khai thác bị phụ thuộc vào các Công ty nhận

thuê khoán khai thác nên sản lượng không được duy trì ổn định, có những thời điểm thiếu quặng nguyên khai, có thời điểm quặng nguyên khai dồn về nhiều dẫn đến khó chủ động được trong việc điều hành SX.

Khó khăn về môi trường xã hội:

Công ty đóng ở vùng xa, đường xá đi lại khó khăn, giá cả các loại nhu yếu phẩm phục vụ đời sống đắt đỏ, tình hình an ninh trật tự phức tạp, tệ nạn xã hội nhiều (các đối tượng nghiện ma túy nhiều), trình độ dân trí chưa cao, nhận thức của người dân còn hạn chế, thích làm việc tự do, gây khó khăn trong công tác tuyển dụng, thu hút lao động đặc biệt là lao động có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, tay nghề trong công tác khai mỏ hầm lò. Do vậy, toàn bộ khâu khai thác quặng nguyên khai phải thuê ngoài, không chủ động được sản xuất và gây khó khăn, tăng chi phí cho công tác bảo vệ sản phẩm sau khai thác.

Khó khăn về môi trường chính sách:

Chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực khai thác khoáng sản (an toàn môi trường, thuế, phí,...) không ổn định, có xu hướng ngày càng thắt chặt và tăng cao. Do vậy, các loại thuế tài nguyên, phí môi trường đối với khai thác quặng vàng được duy trì ở mức rất cao, chiếm 30 – 35% doanh thu tiêu thụ sản phẩm khoáng sản của Công ty, làm tăng mạnh giá thành tiêu thụ sản phẩm tinh quặng vàng.

Khó khăn về điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư và thuê đất:

Trong năm 2018 do đã hết hạn Giấy phép đầu tư và thời hạn thuê đất, đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn đang thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy phép đầu tư và thuê đất.

1.2 Thuận lợi:

Công ty luôn nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ, hỗ trợ của các cấp chính quyền địa phương, của các cổ đông, đặc biệt là Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP (VIMICO), các đơn vị chi nhánh của VIMICO tại Lào Cai, của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - VIMICO,...

Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, của Ban kiểm soát Công ty.

Phát huy tinh thần và kết quả đạt được năm 2017, bước sang 2018 toàn thể cán bộ CBCNV, LĐ trong Công ty đoàn kết, gắn bó, có ý chí quyết tâm vượt khó, làm việc tích cực, sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm cao hơn trong thực thi nhiệm vụ.

- Với tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm” kết quả SXKD năm 2018 đạt được lợi nhuận như kỳ vọng và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh khá ổn định.

1.3 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Bước vào thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2018 tuy gặp rất nhiều khó khăn, thử thách nhưng với tinh thần quyết tâm, quyết liệt, sáng tạo trong quản lý, điều hành; khai thác triệt để những yếu tố thuận lợi, hạn chế tối đa những khó khăn và ảnh hưởng của các yếu tố bất lợi; phát huy tối đa tinh thần đoàn kết, gắn bó, ý chí quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, LĐ trong toàn Cty.

Bảng số 134: Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2018

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ %
I	Chỉ tiêu sản xuất				
1	Chỉ tiêu sản xuất				
	Khai thác quặng	Tấn	20.000	16.452	82%
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	7,23	7,64	106%
	- Quy ra kim loại vàng	kg	144,60	125,7	87%
2	Quặng vào tuyển				
	Quặng nguyên khai vào tuyển	Tấn	20.000	16.820	84%
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	7,23	7,85	109%
	- Quy ra kim loại vàng		145	132	91%
3	Sản phẩm tinh quặng				
	Tinh quặng vàng	tấn	196,00	190,71	97%
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	647,96	616,45	95%
	- Quy ra Kim loại	kg	127,00	117,56	93%
4	Sản phẩm tiêu thụ				
	Tinh quặng vàng	tấn	196	207,51	106%
	- Hàm lượng vàng	gam/tấn	673	664,54	99%
	- Quy ra Kim loại	kg	132	137,9	104%
II	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	Trđ	99.873	111.302	111%
2	Lợi nhuận	Trđ	5.610	17.021	304%
3	Nộp ngân sách	Trđ	30.650	36.614	119%
4	Lao động bình quân sử dụng	người	63	60	95%
5	Quỹ lương	Trđ	6.300	6.310	100%
6	Tiền lương bình quân	tr/ng/t	8,3	8,76	106%

Mặc dù bước vào triển khai thực hiện KH SXKD năm 2018, VLC gặp rất nhiều khó khăn thách thức, song nhờ đưa ra được phương án tổ chức sản xuất kinh doanh hợp lý và có được sự quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ về mọi mặt, sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Tổng công ty, của Hội đồng cổ đông, của HĐQT, của BKS VLC cùng với sự

quyết tâm, cố gắng của ban quản lý điều hành và sự đoàn kết thống nhất phấn đấu vượt khó của tập thể CBCNV, LĐ trong Công ty, cũng như của CBCNV đội khai thác KS3 và sự hợp tác xây dựng của các tổ đội khai thác nên về cơ bản VLC đã hoàn thành tốt được nhiệm vụ KH SXKD được giao. Từ việc sản xuất kinh doanh có hiệu quả nên tình hình tài chính của Công ty đã được cải thiện, tiền lương của CBCNV trong Công ty đã được nâng cao, tạo được tiền đề và tâm lý tốt cho tập thể CBCNV trong Công ty phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ SXKD 2018 và những năm tiếp theo.

+ Kết quả thực hiện việc bảo toàn và phát triển vốn tại đơn vị: Hệ số bảo toàn vốn: 1,34 lần, Công ty bảo toàn được vốn trong năm 2018.

+ Kết quả thực hiện quản lý lao động, biên chế, tiền lương và thu nhập của người lao động so với kế hoạch: Trên cơ sở kết quả SXKD chung của Công ty đạt được, đã tạo điều kiện thuận lợi để Công ty quan tâm động viên kịp thời, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách, bố trí đủ việc làm, các điều kiện lao động dần được cải thiện, thu nhập của người lao động được chi trả kịp thời, ổn định và được duy trì ở mức khá nên lòng tin, tinh thần làm việc, ý thức trách nhiệm,... của tập thể CBCNV, LĐ trong Công ty đã được nâng cao rõ rệt và có sự chuyển biến mạnh mẽ so với các năm trước; thu nhập bình quân đạt 8,76 trđ/ng/tháng đạt 106% so với KH 2018 đồng thời tạo động lực, nền tảng vững chắc cho việc động viên CBCNV phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trong 2019 và những năm tiếp theo.

- Việc chấp hành các quy chế, quy định, kỷ luật điều hành của đơn vị (đặc biệt là trong điều hành tiết giảm chi phí, tinh giản lao động, thực hành tiết kiệm tại đơn vị, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả SXKD...): Trên cơ sở nhận diện, lường trước được những khó khăn về tài chính, ngay đầu năm Công ty đã triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp như: Đẩy mạnh sản xuất để tăng doanh thu và duy trì dòng tiền vào ổn định, kết hợp quản lý chặt chẽ và tiết kiệm tối đa chi phí, mua trả chậm nguyên vật liệu,... đảm bảo SXKD không bị thua lỗ thêm; đồng thời tận dụng ngay nguồn KH TSCĐ trả nợ nhanh các khoản nợ lãi xuất cao để giảm chi phí lãi vay. Do vậy, kết quả SXKD năm 2018 của VLC có lãi 17 tỷ và tình hình tài chính mặc dù vẫn còn rất nhiều khó nhưng đã được sự cải thiện đáng kể.

- Về công tác đầu tư phát triển: Do chưa thu xếp được vốn nên trong năm Công ty vẫn chưa triển khai thực hiện Đề án “Thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng mỏ vàng gốc Minh Lương, Văn Bàn, Lào Cai” với mục tiêu: Thăm dò nâng cấp toàn bộ các khối tài nguyên nằm trong diện tích được cấp phép khai thác tại các thân quặng (TQ.7, TQ.8A2, TQ.8B, TQ.10B) lên cấp trữ lượng 122. Trữ lượng dự tính cấp 122 đạt được 360,3 kg vàng.

- Về công tác bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn do lực lượng bảo vệ mỏng mặc dù đã được Tổng công ty tăng cường hỗ trợ, tăng cường thêm nhưng do địa bàn trải rộng, bên cạnh đó tình hình an ninh trật tự diễn biến phức tạp, hiện tượng đào lò khai thác quặng trái phép diễn ra liên tục với số lượng, quy mô ngày càng tăng, các đối tượng vàng tặc ngày càng lý lợm, hung hãn, manh động, chống đối quyết liệt lực lượng bảo vệ Công ty trong công tác bảo vệ mỏ và khi Công ty tiến hành truy quét, truy đuổi (đặc biệt là khu vực Pú Mẹo, khe Nà Khả). Công tác bảo vệ sản phẩm trong khu vực tuyển khoáng được quan tâm thật chặt; ngay từ đầu năm đã triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp tĩnh như: Sửa chữa hệ thống Camera, gia cố lưới bảo vệ kho, lắp thêm hệ thống khóa kho và các giải pháp động như: Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, quy định rõ việc bàn giao ký, nhận kho giữa phân xưởng và lực lượng bảo vệ. Do vậy, từ đầu năm đến nay chưa phát hiện vụ việc thất thoát sản phẩm nào.

- Về công tác AT-BHLĐ, bảo vệ môi trường: Để đảm bảo mục tiêu an toàn tuyệt đối trong sản xuất cho cả người và thiết bị, Công ty luôn tăng cường công tác quản lý từ Công ty đến các Phân xưởng, tổ đội sản xuất thể hiện ở các mặt:

+ Trên cơ sở các quy định của pháp luật về An toàn và bảo hộ lao động triển khai các quy định sát với điều kiện thực tế của Công ty và chỉ đạo các Phòng ban, phân xưởng, tổ đội thực hiện nghiêm túc.

+ Cải tiến công nghệ, biên soạn bổ sung các quy trình an toàn, quy trình vận hành thiết bị ngắn gọn, dễ hiểu, hướng dẫn người lao động thực hiện tốt.

+ Lắp đặt đầy đủ biển cảnh báo an toàn, tiêu lệnh PCCC, công cụ, trang bị PCCC theo đúng quy định.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện để người lao động tự giác chấp hành các quy định, chống hiện tượng làm bừa, làm ẩu, làm tắt quy trình dẫn đến gây TNLĐ.

+ Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, kiểm tra định kỳ, kiểm tra chuyên đề để giám sát, xử lý kịp thời và nghiêm minh những trường hợp vi phạm các quy định về An toàn và bảo hộ lao động.

+ Trong điều kiện khó khăn về tài chính thì công tác BVMT sẽ chủ yếu ưu tiên thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, xử lý chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, làm đê chắn các bãi thải và trồng cây xanh;...

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Bảng số 145: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018

TÀI SẢN	Năm 2017 (Đồng)	Năm 2018 (Đồng)	Thay đổi 2018 so với 2017 (%)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	17.238.636.577	21.219.092.381	123%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.273.742.754	4.749.409.957	373%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	57.576.572	12.969.909.318	22.526%
IV. Hàng tồn kho	15.907.317.251	3.499.773.106	22%
V. Tài sản ngắn hạn khác			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	94.827.696.182	76.114.881.253	80%
I. Các khoản phải thu dài hạn	4.195.609.326	5.120.537.000	122%
II. Tài sản cố định	86.550.430.311	69.909.839.708	81%
1. TSCĐ hữu hình	81.827.088.213	68.934.393.708	84%
2. TSCĐ thuê tài chính	821.556.098		0%
3. TSCĐ vô hình	3.901.786.000	975.446.000	25%
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	85.454.545	85.454.545	100%
V. Đầu tư tài chính dài hạn			
VI. Tài sản dài hạn khác	3.996.202.000	999.050.000	25%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	112.066.332.759	97.333.973.634	87%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 của Công ty Cổ phần vàng Lào Cai)

b) Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 156: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2017 - 2018

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2017 (Đồng)	Năm 2018 (Đồng)	Thay đổi 2017 so với 2018 (%)
A. NỢ PHẢI TRẢ	61.858.540.116	30.104.317.902	49%
I. Nợ ngắn hạn	61.858.540.116	30.104.317.902	49%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.312.715.739	7.708.665.553	47%
2. Người mua trả tiền trước			0%

ngắn hạn	8.618.601.855		
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	14.623.514.230	9.351.198.592	64%
4. Phải trả người lao động	1.822.562.546	2.594.231.419	142%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	310.186.000	10.263.903.478	3309%
6. Phải trả ngắn hạn khác	20.117.485.656	186.318.860	1%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	53.474.090		0%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
II. Nợ dài hạn			
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2018, Công ty duy trì ổn định cơ cấu tổ chức, quản lý, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách đã đề ra trong những năm trước đây.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty không ngừng nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp về yếu tố con người để giảm tối đa chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh.

Công ty tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ môi trường, phát triển tài nguyên khoáng sản, nâng cao trình độ CBCNV đáp ứng được nhu cầu phát triển của sản xuất.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty Cổ phần vàng Lào Cai đã làm tốt công tác môi trường, tiết kiệm tiêu thụ nước, năng lượng. Mọi chất thải độc hại của Công ty đều được thu gom, xử lý đúng quy định của pháp luật. Hồ thải của Công ty được thiết kế và thi công đúng theo quy phạm an toàn.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm 2018, mặc dù Công ty duy trì được công việc, thu nhập ổn định cho toàn thể CBCNV Công ty, làm tốt các chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe cho người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương, tham gia tích cực vào các phong trào xây dựng địa phương nơi Công ty kinh doanh, sản xuất.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018

Trong năm 2018, với chức trách nhiệm vụ được giao, đồng thời với nhận thức là một năm tiếp tục rất khó khăn đối với Công ty cổ phần vàng Lào Cai, nên HĐQT đã luôn luôn quan tâm kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc, yêu cầu Ban quản lý Công ty thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch SXKD năm 2018. HĐQT đã ban hành 05 Nghị quyết, 03 Quyết định. Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT ban hành có nội dung phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, đã thúc đẩy kịp thời việc tổ chức và giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các vấn đề được thảo luận trong HĐQT đều được thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch, tinh thần trách nhiệm cao. Các nội dung được quyết nghị ban hành đều được thông qua với sự thống nhất cao và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.

Các phiên họp của HĐQT đều được Chủ tịch HĐQT triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, có sự tham gia của Ban kiểm soát, của các đơn vị, phòng ban trong Công ty để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều được ban hành kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, tuân thủ các quy định của pháp luật; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để Ban quản lý điều hành Công ty điều hành hoạt động SXKD tốt hơn.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp, để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty, Chủ tịch HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến các thành viên HĐQT thông qua các thư điện tử, điện thoại để chỉ đạo kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ SXKD cũng như các hoạt động khác của Công ty.

Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ. HĐQT luôn nghiêm túc thực hiện các quy định của Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các quy chế nội bộ; đồng thời thường xuyên bám sát thực tế sản xuất, mục tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra để đưa ra những quyết sách phù hợp.

Thường xuyên duy trì mối quan hệ, phối hợp chặt chẽ, trao đổi các ý kiến trong công việc với các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2018 Ban quản lý điều hành:

- Điều hành các hoạt động của Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Xây dựng, duy trì, phát triển tốt mối quan hệ với địa phương trong công tác phối hợp bảo vệ an ninh trật tự cho sản xuất, bảo vệ an toàn tài nguyên trong ranh giới

mỏ; đồng thời cũng có nhiều giải pháp quản lý chặt chẽ, quyết liệt đảm bảo an toàn không để thất thoát sản phẩm sau khai thác, chế biến.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động, chủ động xây dựng phương án, kế hoạch phòng chống cháy nổ, phòng chống mưa bão, thủ tiêu sự cố, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, không để xảy ra TNLĐ nặng, TNLĐ chết người.

Tóm lại: Bước vào thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2018 tuy gặp rất nhiều khó khăn, thử thách nhưng với tinh thần quyết tâm, quyết liệt, sáng tạo trong chỉ đạo, quản lý, điều hành; khai thác triệt để những yếu tố thuận lợi, hạn chế tối đa những khó khăn và ảnh hưởng của các yếu tố bất lợi; xây dựng, động viên, khích lệ và phát huy tốt tinh thần đoàn kết, gắn bó, ý chí quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, LĐ trong toàn Cty. HĐQT, Ban quản lý điều hành đã hoàn thành xuất sắc chức năng nhiệm vụ được giao, quản trị, điều hành hoạt động của Công ty cơ bản hoàn thành các mục tiêu Hội đồng cổ đông giao; tình hình tài chính Công ty đã được cải thiện nhiều so với các năm trước, các khoản nợ phải trả đã giảm đáng kể, đặc biệt là các khoản nợ có lãi suất cao đã trả hết, Công ty bảo toàn được vốn và tăng được vốn tự có.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Mục tiêu

Hoàn thành việc đánh giá trữ lượng tài nguyên, tiếp tục làm các thủ tục gia hạn giấy phép khai thác chuẩn bị cho những năm tiếp theo (Giấy phép gia hạn hết vào ngày 26/4/2019); Tiếp tục thuê đơn vị khai thác có đủ năng lực, điều kiện thực hiện công tác khai thác, phối hợp chặt chẽ trong công tác bảo vệ ANTT; tổ chức bộ máy sản xuất tinh gọn, tiết giảm chi phí; Phát huy thế mạnh của từng cá nhân, tập thể, tranh thủ sự hỗ trợ các cổ đông, cơ quan Nhà nước duy trì sản xuất ổn định, an toàn.

3.2. Nhiệm vụ cụ thể năm 2019

- Khai thác quặng nguyên khai:	19.000 tấn
- Tinh quặng vàng sản xuất:	210,8 tấn
- Vàng Kim loại trong Tinh quặng vàng sản xuất:	130,58 kg
- Tinh quặng vàng tiêu thụ:	214 tấn
- Vàng kim loại trong Tinh quặng vàng tiêu thụ:	132,5 kg
- Doanh thu khoáng sản:	106,25 tỷ đồng
- Lợi nhuận:	23,574 tỷ đồng
- Nộp ngân sách nhà nước:	33,243 tỷ đồng.
- Quỹ tiền lương:	6,252 tỷ đồng
- Lao động bình quân:	56 người
- Tiền lương bình quân:	9,7 trđồng/ng/tháng

3.3. Các giải pháp cần triển khai thực hiện:

Một là: Bám sát các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tình hình thực tế để chỉ đạo, điều hành Công ty thực hiện KHSXKD năm 2019 với mục tiêu Ổn định - An toàn - Hiệu quả. Trong đó tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác đánh giá thăm dò tài nguyên mỏ, gia hạn giấy phép khai thác; Duy trì hợp lý bộ máy quản lý để linh hoạt trong hoạt

động; điều hành có hiệu quả công tác thuê khoán khai thác, thực hiện mục tiêu: nâng cao sản lượng, chất lượng, an toàn, quản lý tốt sản phẩm sau khai thác.

Hai là: Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, nhằm thông qua và quyết định giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến công tác SXKD của Công ty.

Ba là: Chỉ đạo rà soát, bổ sung, điều chỉnh các Nội qui, qui chế quản lý nội bộ cũng như các quy trình, qui phạm, định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ sản xuất, nhằm đảm bảo tính pháp lý, linh hoạt, hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng số 17: Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trịnh Văn Tuệ	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)
2	Ông Đặng Văn Lâm	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Thành viên HĐQT điều hành)
3	Ông Mạc Văn Tiến	Thành viên HĐQT, Kiêm Giám đốc điều hành mỏ (Thành viên HĐQT điều hành)
4	Ông Cao Anh Hào	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)
5	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)
6	Ông Nguyễn Cao Khương	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)
7	Ông Phạm Hồng Thịnh	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

***) Ông Trịnh Văn Tuệ – Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên: TRỊNH VĂN TUỆ
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 28/02/1972
- Nơi sinh: Xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội)
- CMND số: 001072009253; ngày cấp: 14/07/2016; nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL

cư trú và DLQG về dân cư

- Quê quán: xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây
- Địa chỉ Hộ khẩu thường trú: Liên kề 17-28 Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Chỗ ở hiện tại: Liên kề 17-28 Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- ĐT liên lạc: 0982176255
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa Xí nghiệp
- Chức vụ tại VLC: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện cho Tổng công ty khoáng sản TKV – CTCP tại VLC: 4.845.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 46,14%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
 - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
 - + Tổ chức có liên quan: Tổng công ty khoáng sản TKV- CTCP sở hữu 4.845.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 46,14%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Là người đại diện pháp luật của tổ chức (Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP) có Hợp đồng hợp tác kinh doanh tiêu thụ toàn bộ sản phẩm Tinh quặng vàng của VLC.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/1992 ÷ 12/1994	Xí nghiệp Thiếc sơn Dương Tuyên Quang	Công nhân sửa chữa
08/1994 ÷ 11/2000	Xí nghiệp liên doanh đồng Lào Cai	Công nhân
12/2000 ÷ 02/2004	Xí nghiệp liên doanh đồng Lào Cai	Đốc công phân xưởng
03/2004 ÷ 12/2004	Xí nghiệp liên doanh đồng Lào Cai	Quyền Quản đốc phân xưởng
01/2005 ÷ 08/2005	Xí nghiệp liên doanh đồng	Quản đốc Phân xưởng

	Lào Cai	Tuyển khoáng
09/2005 ÷ 02/2006	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	Cán bộ kỹ thuật Phân xởng
03/2006 ÷ 10/2007	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	Quản đốc Phân xởng Tuyển khoáng
11/2007 ÷ 02/2011	Công ty Luyện đồng Lào Cai	Phó Giám đốc Công ty
03/2011 ÷ 07/2015	Công ty Luyện đồng Lào Cai	Giám đốc Công ty
08/2015 ÷ 10/2015	Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP	Phó Tổng Giám đốc
10/2015 ÷ 26/05/2016	Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
27/05/2016 ÷ 02/2018	Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP
03/2018 ÷ Nay	Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP
27/05/2016 ÷ 2/2019	Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP; Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần vàng Lào Cai

***) Ông Đặng Văn Lâm – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty**

- Họ và tên: ĐẶNG VĂN LÂM

- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

- Ngày, tháng, năm sinh: 18/12/1969

- Nơi sinh: xã Hương Cầm, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

- CMND số: 025069000069; ngày cấp: 21/10/2015; nơi cấp: Cục Cảnh sát

ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

- Quê quán: Xã Vân Phúc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số 3/B12; Tổ DP số 8, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

- Chỗ ở hiện tại: Số 3/B12; Tổ DP số 8, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

- Chỗ ở (tạm trú) hiện tại: Xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai

- ĐT liên lạc: 02143 835 565

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa học; Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên HĐQT, Giám đốc

- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Những khoản nợ với VLC: Không

- Lợi ích liên quan với VLC: Là người đại diện theo pháp luật của Công ty

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1993 ÷ 08/1999	Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai	Kỹ thuật viên KCS, Tổ Kỹ thuật Công nghệ, Phân xưởng Tuyển khoáng
09/1999 ÷ 03/2006	Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai	Cán bộ kỹ thuật, Phòng Kế hoạch kỹ thuật
2000 ÷ 03/2006	Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai	Kiểm nhiệm Phó chủ tịch Công đoàn Xí nghiệp
03/2006 ÷ 12/2006	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	Cán bộ kỹ thuật, Phòng Kế hoạch vật tư
01/2007 ÷ 06/2007	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	Phó Phòng Phụ trách Phòng Tổ chức hành chính
07/2007 ÷ 02/2010	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
2006 ÷ 2008	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính
2008 ÷ 02/2010	Công ty mỏ tuyển đồng Sin	Trưởng phòng Tổ chức –

	Quyền	Hành chính
03/2010 ÷ 02/2016	Công ty cổ phần vàng Lào Cai	Phó Giám đốc Công ty
17/02/2016 ÷ 2/2019	Công ty cổ phần vàng Lào Cai	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

***) Ông Mạc Văn Tiến – Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty**

- Họ và tên: MẠC VĂN TIẾN
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 24/02/1987.
- Nơi sinh: Xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
- CMND số: 100883537, ngày cấp: 14/4/2005, nơi cấp: CA Quảng Ninh.
- Quê quán: Xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
- Hộ khẩu thường trú: xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
- Chỗ ở hiện tại: Xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
- Chỗ ở (tạm trú) hiện tại: Xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai
- ĐT liên lạc: 0989437461
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Chức vụ tại VLC: Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty.
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2011 ÷ 05/2013	Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico	Cán bộ kỹ thuật Phòng Mỏ Địa chất
06/2013 ÷ 02/2016	Công ty CP Khoáng sản 3 – Vimico	Phó phòng Kỹ thuật Mỏ Địa chất
03/2016 ÷ 2/2019	Công ty cổ phần vàng Lào Cai	Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc điều hành mỏ

***) Ông Cao Anh Hào – Thành viên HĐQT độc lập**

- Họ và tên: CAO ANH HÀO

- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

- Ngày, tháng, năm sinh: 24/12/1979

- Nơi sinh: Lào Cai

- CMND số: 063043212, ngày cấp: 11/11/2011, nơi cấp: CA tỉnh Lào Cai

- Quê quán: Giao Tiến – Giao Thủy – Nam Định

- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: C2215, Tòa nhà Hồ Gươm Plaza, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

- Chỗ ở hiện tại: C2215, Tòa nhà Hồ Gươm Plaza, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, TP Hà Nội

- ĐT liên lạc: 09 88 55 00 11

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác; Cử nhân QTKD

- Chức vụ tại VLC: Thành viên HĐQT

- Chức vụ tại tổ chức khác: Phó Phòng Kế hoạch Giá thành, Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:

+ Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

+ Tổ chức có liên quan: Tổng công ty khoáng sản TKV- CTCP sở hữu 4.845.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 46,14%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Những khoản nợ với VLC: Không có

- Lợi ích liên quan với VLC: Là cán bộ quản lý của tổ chức (Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP) có Hợp đồng hợp tác kinh doanh tiêu thụ toàn bộ sản phẩm Tinh quặng vàng của VLC.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2002 ÷ 10/2004	Công ty phát triển tin học, công nghệ và môi trường	Cán bộ kỹ thuật
11/2002 ÷ 10/2005	Sở Công nghiệp tỉnh Lào Cai	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật và Năng lượng
11/2005 ÷ 09/2011	Công ty mỏ tuyển đồng Sin	Trưởng phòng Kỹ thuật

	Quyền	
10/ 2011 ÷ 03/2016	Công ty cổ phần vàng Lào Cai	Giám đốc điều hành mỏ, Phó Giám đốc Công ty
03/2016 ÷ Nay	Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP	Phó Phòng Kế hoạch giá thành
31/05/2016 ÷ 2/2019	Công ty cổ phần vàng Lào Cai	Thành viên HĐQT

***) Ông Nguyễn Cao Khương – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: NGUYỄN CAO KHƯƠNG
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 12/01/1974
- Nơi sinh: BV Đa khoa Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- CMND số: 063124073, ngày cấp: 28/01/2013, nơi cấp: CA tỉnh Lào Cai
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Tổ 30, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, Lào Cai
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 30, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, Lào Cai
- ĐT liên lạc: 0988 834 797
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất, cử nhân chính trị
- Chức vụ tại VLC: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP

Khoáng sản 3 – Vimico

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico tại VLC: 2.280.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 21,71%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
 - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
 - + Tổ chức có liên quan: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 –Vimico sở hữu 2.280.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 21,71%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Là người đại diện pháp luật của tổ chức (Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO) có Hợp đồng nhận thuê khoán khai thác quặng vàng gốc nguyên khai cho VLC.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
-----------	-----------------	---------

04/1994 ÷ 12/2007	Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO	Cán bộ kỹ thuật
01/2008 ÷ 01/2009	Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO	Phó Giám đốc Xí nghiệp 304
02/2009 ÷ 05/2010	Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO	Giám đốc Xí nghiệp 304
06/2010 ÷ 06/2013	Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO	Phó Giám đốc Công ty
07/2013 ÷ Nay	Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
05/2013 ÷ Nay	Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

***) Ông Phạm Hồng Thịnh – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: PHẠM HỒNG THỊNH
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 09/08/1984
- Nơi sinh: Nam Định
- CMND số: 013174308, ngày cấp: 02/04/2009, nơi cấp: CA Hà Nội
- Quê quán: Vụ Bản, Nam Định
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: P1001 Tòa nhà 196 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: P1001 Tòa nhà 196 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
- ĐT liên lạc: 0437722377
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học ngoại thương
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên HĐQT
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần Khoáng sản Đông Dương.
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 300.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 2,86%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần khoáng sản Đông Dương tại VLC: 665.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 6,33%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
 - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
 - + Tổ chức có liên quan: Công ty cổ phần khoáng sản Đông Dương sở hữu 665.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 6,33%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 ÷ 2013	Công ty cổ phần Khoáng sản Đông Dương	Nhân viên kinh doanh
2014 ÷ Nay	Công ty cổ phần Khoáng sản Đông Dương	Trưởng phòng kinh doanh

***) Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: NGUYỄN MẠNH HÙNG
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 21/11/1969
- Nơi sinh: Xuân châu, Xuân Trường, Nam Định
- CMND số: 101133243, ngày cấp: 30/3/2008, nơi cấp: CA tỉnh Quảng Ninh
- Quê quán: Xuân châu, Xuân Trường, Nam Định
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Chỗ ở hiện tại: Công ty TNHH 1 TV 86, tổ 2 khu 1b Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- ĐT liên lạc: 0868211555
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên HĐQT
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH MTV 86
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện cho Công ty TNHH MTV 86 tại VLC: 450.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 4,29%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
 - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
 - + Tổ chức có liên quan: Công ty TNHH MTV 86 sở hữu 450.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 4,29%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Không có

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1995 ÷ 1/1996	Trường quân chính quân khu 3	Học viên
2/1996 ÷ 3/2007	Công ty TNHH MTV 91- Tổng Công ty Đông Bắc	Trưởng phòng KHKD Công ty TNHH MTV 91- Tổng Công ty Đông Bắc
4/2007 ÷ 8/2011	Tổng Công ty Đông Bắc	Phó Trưởng phòng KHKD - Tổng Công ty Đông Bắc
9/2011 ÷ 12/2018	Công ty TNHH MTV 86	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị luôn đảm bảo tính tập trung, thống nhất, liên tục và kế thừa. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình được quy định trong Điều lệ Công ty để quản lý và điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách các công việc phù hợp với tình hình thực tế ở mỗi giai đoạn. Các thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo nhiệm vụ được phân công, thực hiện tốt các quy định của Điều lệ Công ty trong việc giám sát và chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Về cơ bản, các thành viên HĐQT đều hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

HĐQT đã duy trì các cuộc họp thường kỳ và đột xuất để giải quyết kịp thời các công việc phát sinh. Nội dung và trình tự các phiên họp đều được thực hiện nghiêm túc, theo đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Các quyết định/ng nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

Năm 2018 Hội đồng quản trị đã ban hành 05 Nghị quyết

TT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1	03/NQ-HĐQT	23/3/2018	- Thông qua Báo cáo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2017; Phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. - Thông qua việc báo cáo chuyển nhượng CP của các cổ đông. - Thông qua việc đăng ký Công ty đại chúng với UBCKNN. - Thông qua nội dung hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018.

2	21/NQ - HĐQT	31/5/2018	- Thông qua dự kiến kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD 6 tháng đầu năm 2018, phương hướng nhiệm vụ sáu tháng cuối năm 2018. - Thông qua hệ thống thang, bảng lương. - Thông qua báo cáo thực hiện các thủ tục đăng ký Công ty đại chúng.
3	25/NQ - HĐQT	26/8/2018	- Thông qua Hợp đồng thuê khoán khai thác khoáng sản với Công ty cổ phần khoáng sản 3 - Vimico
4	30/ NQ - HĐQT	14/11/2018	- Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án Đầu tư Khai thác và Tuyển quặng vàng gốc, mỏ vàng Minh Lương, Văn Bàn, Lào Cai
5	34/NQ - HĐQT	13/12/2018	- Thông qua việc giao dịch cổ phần của Công ty trên thị trường UPCOM, đồng thời thông qua mức giá tham chiếu cho phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu GLC là 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu GLC theo sự chấp thuận của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Biên độ dao động giá cổ phiếu trong phiên giao dịch đầu tiên: $\pm 40\%$.

Các quyết định ban hành của HĐQT năm 2018 (03 Quyết định):

- Quyết định số 22/QĐ-VLC ngày 1/6/2018 về việc ban hành Hệ thống thang, bảng lương của Công ty cổ phần vàng Lào Cai.
- Quyết định số 26/QĐ-VLC ngày 21/9/2018 về việc Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần vàng Lào Cai.
- Quyết định số 31/QĐ-VLC ngày 14/11/2018 về việc Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án Đầu tư Khai thác và Tuyển quặng vàng gốc, mỏ vàng Minh Lương, Văn Bàn, Lào Cai.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Bảng số 8: Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chứng chỉ
1	Ông Trịnh Văn Tuệ	Chủ tịch HĐQT	Quản trị Kinh doanh cao cấp Tổng công ty Khoáng

			sản TKV - CTCP
2	Ông Nguyễn Cao Khương	Thành viên HĐQT	Quản trị Kinh doanh cao cấp Tổng công ty Khoáng sản TKV -CTCP

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Bảng số 19: Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Minh Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Ngô Thị Nhâm	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Trần Trung Thành	Thành viên Ban kiểm soát
4	Ông Nguyễn Văn Long	Thành viên Ban kiểm soát
5	Ông Đồng Thanh Minh	Thành viên Ban kiểm soát

Lý lịch của thành viên Ban Kiểm soát:

*) Ông Trần Minh Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: TRẦN MINH TUẤN
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 06/02/1973
- CMND số: 013135918
- Nơi sinh: Nam Định
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số 17 lô 5 Khu đô thị An Lạc, Phường Khoang, Từ Liêm, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số 17 lô 5 Khu đô thị An Lạc, Phường Khoang, Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- ĐT liên lạc: 0985131313
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Quản lý vốn - Thanh tra - Kiểm toán nội bộ Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
 - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
 - + Tổ chức có liên quan: Tổng công ty khoáng sản TKV- CTCP sở hữu

4.845.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 46,14%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Những khoản nợ với VLC: Không có

- Lợi ích liên quan với VLC: Là cán bộ quản lý của tổ chức (Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP) có Hợp đồng hợp tác kinh doanh tiêu thụ toàn bộ sản phẩm Tinh quặng vàng của VLC.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/2001 ÷ 8/2004	Công ty Kiểm toán Việt Nam	Trợ lý Kiểm toán viên
9/2004 ÷ 6/2007	Công ty Kiểm toán Việt Nam	Kiểm toán viên
07/2007 ÷ 09/2007	Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam	Chuyên viên
10/2007 ÷ 06/2008	Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam	Phó Trưởng Phòng Đầu tư DV Tài chính và NCPT
06/2008 ÷ 09/2009	Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam	Trưởng Phòng Đầu tư DV Tài chính và NCPT
10/2009 ÷ 07/2012	Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng Hợp
08/2012 ÷ 04/2014	Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam	Trưởng Phòng Quản lý rủi ro
05/2014 ÷ 10/2015	Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP	Phó Trưởng Phòng Tài chính kế toán
10/2015 ÷ Nay	Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP	Phó Trưởng Phòng Quản lý vốn - Thanh tra - Kiểm toán nội bộ
11/12/2015 ÷ Nay	Công ty CP Vàng Lào Cai	Trưởng Ban kiểm soát

***) Ông Trần Trung Thành – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: TRẦN TRUNG THÀNH ;

- Ngày, tháng, năm sinh: 07/10/1979;

-Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: VN

- Nơi sinh: Nghĩa Thành – Nghĩa Hưng – Nam Định
- CMND số: 162248631
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Tổ 8, phường Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 8, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- ĐT liên lạc: 0988733790
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần khoáng sản 3 – VIMICO
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
 - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
 - + Tổ chức có liên quan: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico sở hữu 2.280.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 21,71%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Là Kế toán trưởng của tổ chức (Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO) có Hợp đồng nhận thuê khoán khai thác quặng vàng gốc nguyên khai cho VLC.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2005 ÷ 08/2005	Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO	Phó phòng Tài chính kế toán
09/2005 ÷ 08/2008	Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO	Quyền kế toán trưởng Công ty
09/2008 ÷ Nay	Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – VIMICO
03/2013 ÷ Nay	Công ty CP Vàng Lào Cai	Thành viên Ban Kiểm soát

***) Ông Nguyễn Văn Long – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN LONG
- Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 20/01/1977
- CMND Số: 011776989; Ngày cấp: 05/4/2007; Nơi cấp: Công an TP Hà nội

- Nơi sinh: Hà nội
- Quê quán: Hữu Lê, Hữu Hoà, Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Hữu Lê, Hữu Hoà, Thanh Trì, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: P2309 CT5 Tân Triều, Thanh trì, Hà nội
- ĐT liên lạc: 0914567836
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Luật
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban pháp chế Tập đoàn Bitexco
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
 - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
 - + Tổ chức có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002÷ 2007	Đoàn Luật Sư Hà Nội	Luật sư
2007 ÷ Nay	Tập đoàn Bitexco	Trưởng ban pháp chế
31/05/2017 ÷ Nay	Công ty CP Vàng Lào Cai	Thành viên Ban Kiểm soát

***) Ông Đồng Thanh Minh – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: ĐỒNG THANH MINH
- Giới tính: Nam ; Dân tộc: Kinh ; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 15/9/1968
- Nơi sinh: Thôn Chùa, xã Thuận lộc, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
- CMND số: 101118317; ngày cấp: 11/12/2007; nơi cấp: CA tỉnh Quảng Ninh
- Quê quán: Thôn Chùa, xã Thuận lộc, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Công ty TNHH MTV 86, tổ 2 khu 1b Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Chỗ ở hiện tại: Công ty TNHH MTV 86, tổ 2 khu 1b Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- ĐT liên lạc: 0989701369

- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ tại VLC: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Phòng Tài chính – Kế toán Công ty TNHH

MTV 86

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
 - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
 - + Tổ chức có liên quan: Công ty TNHH MTV 86 sở hữu 450.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 4,29%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1987 ÷ 1991	Học viên trường QLKT quân khu 3	Học viên
1991 ÷ 1992	Binh đoàn 15	Nhân viên
1992 ÷ 1993	Quân khu 3	Nhân viên
1993 ÷ 1995	Binh đoàn 12	Nhân viên
1995 ÷ 1998	Tổng công ty Đông Bắc	Trợ lý
1998 ÷ 2000	Xí nghiệp 497 - Tổng công ty Đông Bắc	Kế toán trưởng
2000 ÷ Nay	Công ty TNHH MTV 86 - Tổng công ty Đông Bắc	Phó phòng Tài chính kế toán
31/05/2018 ÷ Nay	Công ty CP Vàng Lào Cai	Thành viên Ban Kiểm soát

***) Bà Ngô Thị Nhâm – Thành viên Ban kiểm soát VLC**

- Họ và tên: NGÔ THỊ NHÂM
- Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 30/07/1978
- Nơi sinh: Nam Định

- CMND số:012835745
- Quê quán: Xã Nghĩa Phong, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số nhà 177, ngõ 71 phố Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số nhà 177, ngõ 71 phố Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- ĐT liên lạc:0973571876
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ nắm giữ tại VLC: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Phòng Quản lý vốn, Thanh tra kiểm Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu đại diện tại VLC: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Số lượng cổ phần sở hữu của người có liên quan:
 - + Cá nhân có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
 - + Tổ chức có liên quan: Tổng công ty khoáng sản TKV- CTCP sở hữu 4.845.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 46,14%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ với VLC: Không có
- Lợi ích liên quan với VLC: Là nhân viên của tổ chức (Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP) có Hợp đồng hợp tác kinh doanh tiêu thụ toàn bộ sản phẩm Tinh quặng vàng của VLC.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2001 ÷ 11/2011	Tổng công ty Nhựa Việt Nam	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán
11/2011 ÷ Nay	Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP	Chuyên viên Phòng Quản lý vốn, Thanh tra kiểm Kiểm toán nội bộ
10/12/2015 ÷ Nay	Công ty CP Vàng Lào Cai	Thành viên Ban Kiểm soát

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thể hiện ở các lĩnh vực sau:

- Triển khai các cuộc họp về định hướng, xem xét xin ý kiến cổ đông bằng văn bản điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Trong năm 2018, HĐQT đã ban hành được 5 Nghị quyết, 3 Quyết định. Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT ban hành có nội dung phù hợp với Điều lệ hoạt động của Công ty.

- Giám sát trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018. HĐQT Công ty đã chỉ đạo sát sao và có nhiều biện pháp ổn định sản xuất lợi nhuận của đơn vị sau kiểm toán là 17,021 tỷ đồng.

Giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, thể hiện trên các nội dung sau:

- Ban giám đốc công ty đã tổ chức triển khai điều hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ công ty và tuân thủ đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2018, tình hình kinh tế khó khăn nhưng Ban Giám đốc đã rất tích cực tìm mọi biện pháp để động viên người lao động, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Các Quyết định của Ban giám đốc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban giám đốc Công ty.

- Giám đốc công ty đã triển khai tốt việc điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu tại Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đề ra.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2018:

- Cuộc họp lần thứ 1: ngày 19/1/2018.
- Cuộc họp lần thứ 2: ngày 20/4/2018.
- Cuộc họp lần thứ 3: ngày 19/7/2018.
- Cuộc họp lần thứ 4: ngày 18/10/2018.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

Bảng số 20: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc.

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao (HĐQT, BKS, BGĐ)	Tổng thu nhập
----	-----------	---------	---------------	--------------------------	---------------

1	Trịnh Văn Tuệ	Chủ tịch HĐQT		28.800.000	28.800.000
2	Đặng Văn Lâm	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	372.617.000	25.200.000	397.817.000
3	Mạc Văn Tiến	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc	329.765.000	25.200.000	354.965.000
4	Cao Anh Hào	Thành viên HĐQT,		25.200.000	25.200.000
5	Nguyễn Cao Khương	Thành viên HĐQT		25.200.000	25.200.000
6	Phạm Hồng Thịnh	Thành viên HĐQT		25.200.000	25.200.000
7	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT		25.200.000	25.200.000
6	Trần Minh Tuấn	Trưởng BKS		25.200.000	25.200.000
7	Nguyễn Văn Long	Thành viên BKS		22.800.000	22.800.000
8	Ngô Thị Nhâm	Thành viên BKS		22.800.000	22.800.000
9	Đồng Thanh Minh	Thành viên BKS		22.800.000	22.800.000
10	Trần Trung Thành	Thành viên BKS		22.800.000	22.800.000
11	Nguyễn Minh Thanh	Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT	299.339.000	22.800.000	322.139.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có phát sinh.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần vàng Lào Cai tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tính đến thời điểm 31/12/2018: lỗ lũy kế của Công ty là 37.770.344.268 đồng, tại ngày này nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 8.885.225.521 đồng, làm nghi ngờ đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai gần. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty chưa xem xét ghi nhận trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường cho các mỏ do chưa có cơ sở để tính toán, trích trước do đó có thể sẽ phát sinh thêm khoản công nợ tiềm tàng từ sự kiện này.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2018 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 được đăng tải trên Website của Công ty tại đường link: <http://vanglaocai.com.vn>

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Hoàng Thị Quế

